TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2023/KDTM-ST Ngày: 25/7/2023 V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tống Văn Tâm;

- Ông Nguyễn Văn Thảo.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thuyến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 48/2023/TLST-KDTM ngày 18/4/2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐDS-ST ngày 07/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH D; địa chỉ: phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Lệ H, chức vụ: Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Huỳnh H, sinh năm 1999 và ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 2000; cùng địa chỉ: phường P, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 22/3/2023), ông T vắng mặt, ông H có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê văn D, chức vụ: Chủ tịch Côn ty kiêm Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Huỳnh Hân trình bày:

Ngày 09/10/2019, Công ty TNHH D và Công ty TNHH T ký Hợp đồng mua bán số 13/2019/DF-TM. Theo nội dung hợp đồng thì Công ty D cung cấp mặt hàng sơn dùng trong công nghiệp sơn phủ cho Công ty T với hình thức là qua đơn đặt hàng, địa điểm giao hàng tại Công ty T. Thời hạn giao hàng 03 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng của bên mua; hình thức thanh toán là 60 ngày kể từ ngày chốt sổ, nếu không thanh toán đúng hạn thì bên mua phải trả thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất 12%/năm.

Thực hiện hợp đồng, Công ty D đã giao hàng hóa cho Công ty T theo các đơn hàng mà Công ty T đã đặt hàng và đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000135 ngày 31 tháng 10 năm 2019 với số tiền 768.058.830 đồng, số 0000163 ngày 30 tháng 11 năm 2019 với số tiền 226.875.000 đồng, số 0000196 ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền 21.472.000 đồng, số 0000217 ngày 20 tháng 01 năm 2020 với số tiền 86.925.300 đồng. Tổng số tiền hàng là 1.103.331.130 đồng.

Công ty T đã thanh toán tiền hàng cho Công ty D vào ngày 01/9/2020 là 100.000.000 đồng, ngày 25/9/2020 là 100.000.000 đồng, ngày 27/11/2021 là 61.000.000 đồng, ngày 30/12/2021 là 100.000.000 đồng, ngày 08/02/2021 là 99.967.011 đồng, ngày 05/5/2021 là 99.945.030 đồng, ngày 17/6/2021 là 100.000.000 đồng (tất cả các khoản tiền được thanh toán nêu trên là của hóa đơn số 0000135 ngày 31/10/2020, còn các hóa đơn số 0000163, 0000196, 0000217 thì chưa thanh toán khoản nào); ngoài ra trừ tiền hàng trả lại là 33.947.650 đồng. Tổng cộng, số tiền bị đơn đã thanh toán và trừ tiền hàng trả lại là 694.859.691 đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 408.471.439 đồng.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc là 408.471.439 đồng và tiền lãi tạm tính là 150.338.920 đồng do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cụ thể như sau:

STT	**Công nợ**	**Số tiền nợ**	**Ngày tính lãi**		**Số ngày lãi**	**Lãi suất năm**	**Số tiền VNĐ**
			Từ ngày	Đến ngày			
1.	10/2019	73.199.139	01/01/2020	01/03/2023	1.155	12%	27.314.309
2.	11/2019	226.875.000	01/02/2020	01/03/2023	1.124	12%	83.838.082
3.	12/2019	21.472.000	01/03/2020	01/03/2023	1.095	12%	7.729.920
4.	01/2020	86.925.300	01/04/2020	25/07/2023	1.064	12%	31.456.609
Tổng cộng:							**150.338.920**

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi ngày tính lãi suất chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2023) là 169.377.434 đồng, cụ thể:.

STT	Công nợ	Số tiền nợ	Ngày tính lãi		Số ngày lãi	Lãi suất năm	Số tiền VNĐ
			Từ ngày	Đến ngày			
1.	10/2019	73.199.139	01/01/2020	25/7/2023	1.301	12%	31.309.177
2.	11/2019	226.875.000	01/02/2020	25/7/2023	1.270	12%	94.728.082
3.	12/2019	21.472.000	01/03/2020	25/7/2023	1.241	12%	8.760.576
4.	01/2020	86.925.300	01/04/2020	25/07/2023	1.210	12%	34.579.599
Tổng cộng:							**169.377.434**

Như vậy, tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán là 577.848.873 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty T theo đúng quy định pháp luật nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã không chấp hành theo các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH D khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán số tiền còn nợ liên quan đến mua bán hàng hóa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty TNHH T có trụ sở hoạt động tại phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T không đến Tòa án làm việc, cũng không giao nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn Công ty TNHH T đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty TNHH D thanh toán số tiền nợ gốc là 408.471.439 đồng đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2023) là 169.377.434 đồng:

[2.1] Xét Hợp đồng mua bán số 13/2019/DF-TM ngày 09/10/2019, Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty TNHH D và Công ty TNHH T ký hợp đồng với nội dung Công ty TNHH D cung cấp mặt hàng sơn dùng trong công nghiệp sơn phủ; hợp đồng thỏa thuận quyền, nghĩa vụ của các bên, phù hợp quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại nên có hiệu lực đối với các bên.

[2.2] Xét việc khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ 408.471.439 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Công ty TNHH D giao nộp là Hợp đồng nguyên tắc số 13/2019/DF-TM ngày 09/10/2019, hóa đơn giá trị gia tăng và Công văn về việc xin thanh toán chậm của Công ty TNHH T có căn cứ xác định Công ty TNHH D đã có giao hàng hóa cho Công ty TNHH T.

Quá trình Tòa giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định tổng số tiền hàng nguyên đơn cung cấp cho bị đơn được thể hiện tại các hóa đơn giá trị gia tăng nguyên đơn đã nộp cho Tòa án là 1.103.331.130 đồng. Nguyên đơn thừa nhận sau khi nguyên đơn gửi Thông báo về việc thanh toán nợ quá hạn thì bị đơn đã thanh toán số 660.912.000 đồng và trừ tiền hàng trả lại là 33.947.650 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 408.471.439 đồng. Như vậy, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 408.471.439 đồng là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

[2.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy: tại Điều IV của hợp đồng nguyên tắc số 13/2019/DF-TM ngày 09/10/2019, các bên thỏa thuận bên bán sẽ chốt công nợ vào cuối tháng,bên mua thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày chốt sổ, nếu bên mua thanh toán không đúng hạn thì phải chịu tiền lãi do thanh toán chậm tính trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 12%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi là 169.377.434 đồng.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 24, 50, 55, 301, 306 và Điều 319 của Luật Thương mại;

- Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH D đối với bị đơn Công ty TNHH T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”;

Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH D tổng số tiền là 577.848.873 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 408.471.439 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 169.377.434 đồng).

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

2.1 Công ty TNHH T phải chịu số tiền 27.113.955 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

2.2 Công ty TNHH D không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm; trả lại cho Công ty TNHH D số tiền 13.176.207 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007574 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

3.1 Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

3.2 Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thành Hiệp